

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI BÈ  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2021/DS-ST**

Ngày: 27/01/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn Thành**

2. Ông **Lý Minh Hùng**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Luân**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Ngày **27** tháng **01** năm **2021** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **472/2020/TLST-DS** ngày 26/11/2020 về việc tranh chấp: “Hợp đồng góp hội”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **01/2021/QĐST-DS** ngày 15/01/2020 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Mai Thị Hồng A**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

\* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A, bà T có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 12/8/2020 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị Hồng A trình bày:

Vào năm 2014 và 2015 chị A làm đầu thảo hội, bà Tám là hội viên có tham gia tổng cộng 07 dây hội cụ thể như sau:

Dây thứ 01: Hội 2.000.000 đồng, khai ngày 15/5/2014 âm lịch, gồm 18 phần, hội 03 tháng khai một lần, bà T tham gia 01 phần, đã hốt xong, còn nợ lại 08 kỳ hội chết, trong đó 02 kỳ đã được Tòa án xét xử xong, còn lại nợ lại 06 kỳ x 2.000.000 đồng = **12.000.000 đồng**, hội đã mãn.

Dây thứ 02: Hui 2.000.000 đồng, khai ngày 11/9/2014 âm lịch, gồm 17 phần, hui 03 tháng khai một lần, bà T tham gia 01 phần, đã hết xong, còn nợ lại 29 kỳ hui chết, trong đó 03 kỳ đã được Tòa án xét xử xong, còn lại nợ lại 02 kỳ x 2.000.000 đồng = **4.000.000 đồng**, hui đã mãn.

Dây thứ 03: Hui 5.000.000 đồng, khai ngày 11/02/2015 âm lịch, gồm 20 phần, hui 03 tháng khai một lần, bà T tham gia 01 phần, đã hết xong, còn nợ lại 09 kỳ hui chết, trong đó 03 kỳ đã được Tòa án xét xử xong, còn lại nợ lại 06 kỳ x 5.000.000 đồng = **30.000.000 đồng**, hui đã mãn.

Dây thứ 04: Hui 5.000.000 đồng, khai ngày 09/02/2015 âm lịch, gồm 23 phần, hui 03 tháng khai một lần, bà T tham gia 02 phần, đã hết xong, còn nợ lại 13 kỳ hui chết, trong đó 06 kỳ đã được Tòa án xét xử xong, còn lại nợ lại 10 kỳ x 02 phần x 5.000.000 đồng = **100.000.000 đồng**, hui đã mãn.

Dây thứ 05: Hui 1.500.000 đồng, khai ngày 11/8/2015 âm lịch, gồm 17 phần, hui 03 tháng khai một lần, bà T tham gia 01 phần, đã hết xong, còn nợ lại 04 kỳ hui chết, trong đó 02 kỳ đã được Tòa án xét xử xong, còn lại nợ lại 02 kỳ x 1.500.000 đồng = **3.000.000 đồng**, hui đã mãn.

Dây thứ 06: Hui 5.000.000 đồng, khai ngày 11/5/2015 âm lịch, gồm 21 phần, hui 03 tháng khai một lần, bà T tham gia 01 phần, đã hết xong, còn nợ lại 15 kỳ hui chết, trong đó 03 kỳ đã được Tòa án xét xử xong, còn lại nợ lại 12 kỳ x 5.000.000 đồng = **60.000.000 đồng** (đã qua kỳ khai 09 x 5.000.000 đồng = **45.000.000 đồng**) chưa tới kỳ khai 03 kỳ mới mãn hui x 5.000.000 đồng = **15.000.000 đồng**.

Dây thứ 07: Hui 5.000.000 đồng, khai ngày 11/11/2015 âm lịch, gồm 26 phần, hui 03 tháng khai một lần, bà T tham gia 01 phần, đã hết xong, còn nợ lại 16 kỳ hui chết, trong đó 03 kỳ đã được Tòa án xét xử xong, còn lại nợ lại 13 kỳ x 5.000.000 đồng **65.000.000 đồng**, (đã qua kỳ khai 09 x 5.000.000 đồng = **45.000.000 đồng**) chưa tới kỳ khai 04 kỳ mới mãn hui x 5.000.000 đồng = **20.000.000 đồng**.

Như vậy, tổng cộng 07 dây hui bà T tham gia hiện tại các hui thứ 01, 02, 03, 04, 05 đã mãn hui, còn dây thứ 06, thứ 07 chưa mãn hui. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 220/2018/DSST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè chỉ xét xử các lần hui đã qua kỳ khai 07 dây với số tiền 88.000.000 đồng. Còn lại số tiền hui 07 dây tính đến mãn hui bà T phải đóng là 274.000.000 đồng, chị A đã choàng hui dùm cho bà Tám với số tiền 239.000.000 đồng, còn lại số tiền 35.000.000 đồng tiền hui chưa tới kỳ khai của dây thứ 06, 07.

Nay chị A yêu cầu bà T có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền hui mà chị A đã choàng đóng dùm với số tiền 239.000.000 đồng, trả 01 lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; còn lại số tiền hui chưa tới kỳ khai của dây thứ 06 và thứ 07 với số tiền 35.000.000 đồng thì chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nếu đến kỳ khai bà T không đóng thì chị Anh sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

\* Tại bản tự khai ngày 04/01/2021 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận có tham gia chơi 07 dây hụi như chị trình bày là đúng, bản án dân sự sơ thẩm số 220/2018/DSST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè đã giải quyết buộc bà T trả số tiền hụi 88.000.000 đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật bà T đã thi hành xong. Nay chị A khởi kiện yêu cầu trả số tiền hụi 239.000.000 đồng bà T thống nhất đồng ý trả, nhưng xin được trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét, tại tòa chị A với bà T thống nhất việc bà T có tham gia 07 dây hụi do chị A làm đầu thảo, bà T không đóng hụi chết chị A phải choàng hụi dùm với số tiền 239.000.000 đồng, bà T cũng đồng ý trả cho chị A số tiền này, nên lời thừa nhận nợ của bà T đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, chị kiện yêu cầu bà T trả số tiền nợ hụi 239.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 18, 20 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường.

[2] Ngoài ra, đối với dây hụi thứ 06 còn 03 kỳ khui nữa mới mãn hụi với số tiền 15.000.000 đồng và dây thứ 07 còn 04 kỳ khui nữa mới mãn hụi với số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng 35.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị A không có đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết, nếu như bà T đến kỳ khui hụi không đóng, chị A có đơn yêu cầu thì sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Tại phiên tòa chị A với bà T không thỏa thuận về thời gian trả số tiền nợ hụi 239.000.000 đồng. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền nợ hụi trên do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên bà T phải chịu 239.000.000 đồng x 5% = 11.950.000 đồng (Mười một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 18, 20 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Hồng A.**

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Mai Thị Hồng A số tiền hội 239.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**2. Về án phí:** Bà Nguyễn Thị T phải chịu 11.950.000 đồng (Mười một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Mai Thị Hồng A số tiền 5.975.000 đồng (Năm triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004437 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**3. Về quyền kháng cáo:** Chị Mai Thị Hồng A, bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

**4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.**

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS H. Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Văn Khỏe**

